



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
và công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận đăng ký
Kinh doanh số**

3503000233
4100739909

ngày 26 tháng 9 năm 2008
ngày 16 tháng 5 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4100739909 ngày 16 tháng 5 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đầu tiên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An
Ông Huỳnh Văn Dũng
Bà Nguyễn Thị Phước
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Ông Phạm Văn Phong

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Dũng
Ông Trịnh Văn Thảo
Ông Bùi Quang Đáng

Trưởng ban Kiểm soát
Thành viên
Thành viên

Ban Điều hành

Ông Huỳnh Văn Dũng
Ông Võ Thanh Điền
Ông Vũ Tuấn Anh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Kế toán Trưởng

Trụ sở đăng ký

Số 1 Nguyễn Văn Linh
Phường Tân An, Thành phố Buôn Mê Thuột
Tỉnh Đắk Lắk
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành 

Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm và giai đoạn sáu tháng kết thúc lần lượt ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2018 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này lần lượt trong báo cáo kiểm toán ngày 15 tháng 1 năm 2019 và báo cáo soát xét ngày 10 tháng 8 năm 2018.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-01-00265-19-3



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		274.624.038.664	303.198.548.337
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	52.142.777.835	28.664.063.900
Tiền	111		14.142.777.835	28.664.063.900
Các khoản tương đương tiền	112		38.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.567.813.140	91.916.015.980
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	43.091.733.397	74.031.555.597
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.874.054.702	17.630.716.951
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.013.741.735	1.711.168.518
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.457.425.086)	(1.457.425.086)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.045.708.392	-
Hàng tồn kho	140	8	162.837.469.986	179.166.247.623
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.075.977.703	3.452.220.834
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.891.084.157	3.401.873.411
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		180.982.311	-
Thuế phải thu Nhà nước	153		3.911.235	50.347.423

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		530.812.008.653	535.616.486.254
Tài sản cố định	220		422.567.073.375	443.412.746.644
Tài sản cố định hữu hình	221	9	422.030.355.611	442.863.628.878
Nguyên giá	222		1.384.857.558.326	1.359.922.554.947
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(962.827.202.715)	(917.058.926.069)
Tài sản cố định vô hình	227	10	536.717.764	549.117.766
Nguyên giá	228		1.406.656.962	1.406.656.962
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(869.939.198)	(857.539.196)
Bất động sản đầu tư	230	11	8.084.788.858	7.642.458.122
Nguyên giá	231		9.795.838.071	9.179.007.071
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.711.049.213)	(1.536.548.949)
Tài sản dở dang dài hạn	240		21.511.396.166	3.137.472.391
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	21.511.396.166	3.137.472.391
Đầu tư tài chính dài hạn	250		19.406.520.000	19.406.520.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	19.406.520.000	19.406.520.000
Tài sản dài hạn khác	260		59.242.230.254	62.017.289.097
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	55.732.236.402	58.506.766.045
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.509.993.852	3.510.523.052
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		805.436.047.317	838.815.034.591

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		330.597.610.605	395.496.137.323
Nợ ngắn hạn	310		295.990.876.671	349.027.267.513
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	35.712.786.047	35.298.623.045
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.149.118.835	1.430.803.779
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	147.776.691.194	150.888.547.811
Phải trả người lao động	314		13.389.310.166	28.080.262.125
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	11.466.456.171	6.710.810.167
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	36.969.697
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	16.771.379.942	39.884.517.026
Vay ngắn hạn	320	19(a)	64.513.875.252	84.043.875.252
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	4.211.259.064	2.652.858.611
Nợ dài hạn	330		34.606.733.934	46.468.869.810
Phải trả dài hạn khác	337		4.842.600.000	4.344.000.000
Vay dài hạn	338	19(b)	12.302.368.833	24.609.306.459
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	17.461.765.101	17.515.563.351
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		474.838.436.712	443.318.897.268
Vốn chủ sở hữu	410	22	474.838.436.712	443.318.897.268
Vốn cổ phần	411	23	298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.234.693	12.234.693
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	64.457.934.536	57.457.657.413
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		111.901.787.483	87.382.525.162
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.493.874.397	7.070.278.707
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		105.407.913.086	80.312.246.455
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		805.436.047.317	838.815.034.591

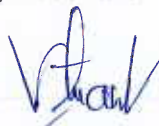
Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	769.593.526.278	701.784.351.862
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	1.063.956.058	950.517.374
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	768.529.570.220	700.833.834.488
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	597.541.094.078	563.827.448.761
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		170.988.476.142	137.006.385.727
Doanh thu hoạt động tài chính	21		31.784.902	243.347.471
Chi phí tài chính	22		2.701.748.001	4.293.770.367
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.701.748.001	4.255.170.145
Chi phí bán hàng	25	29	18.100.074.411	20.400.590.286
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	34.640.466.624	32.791.990.435
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		115.577.972.008	79.763.382.110
Thu nhập khác	31	31	21.574.336.055	18.091.602.321
Chi phí khác	32		5.391.661.231	4.086.995.157
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		16.182.674.824	14.004.607.164
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		131.760.646.832	93.767.989.274
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	26.352.204.546	18.774.157.854
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	529.200	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		105.407.913.086	74.993.831.420
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	3.532	2.513

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	131.760.646.832	93.767.989.274
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	46.477.655.512	48.879.877.924
Các khoản dự phòng	03	-	(5.820.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(31.733.188)	(243.347.471)
Chi phí lãi vay	06	2.701.748.001	4.255.170.145
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	180.908.317.157	146.653.869.872
Biến động các khoản phải thu	09	36.564.988.668	(25.792.754.031)
Biến động hàng tồn kho	10	16.427.157.637	(23.442.208.914)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(31.861.461.881)	11.782.314.365)
Biến động chi phí trả trước	12	1.958.051.946	(2.293.039.047)
		203.997.053.527	106.908.182.245
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.827.326.485)	(3.947.611.830)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.064.530.028)	(19.907.61.556)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	682.855.000	18.920.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.373.330.439)	(11.933.701.223)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	171.414.721.575	71.138.157.636
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(32.209.833.726)	(31.946.428.471)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	1.818.182
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	31.733.188	243.347.471
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(32.178.100.538)	(31.701.262.818)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	403.950.000.000	539.861.169.331
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(435.786.937.626)	(523.861.169.331)
Tiền chi trả cổ tức	36	(83.920.969.476)	(43.716.330.572)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(115.757.907.102)	(27.716.330.572)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	23.478.713.935	11.720.564.246
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	28.664.063.900	6.079.085.699
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70 6	52.142.777.835	17.799.649.945

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 993/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SMB.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát; nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế của ngành công nghiệp thực phẩm; cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn lắp đặt máy móc trong ngành công nghiệp thực phẩm; đầu tư và xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Nhóm Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2019: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết), thông tin chi tiết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			30/6/2019	1/1/2019
Công ty con sở hữu trực tiếp				
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại – Dịch Vụ Bia Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Kinh doanh bia, cồn và nước giải khát	100%	100%
<hr/>				
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	In ấn	20%	20%
<hr/>				

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Nhóm Công ty có 486 nhân viên (1/1/2019: 490 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 21 tỷ VND (1/1/2019: 46 tỷ VND). Nhóm Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 19). Hơn nữa, Nhóm Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này cơ bản tùy thuộc vào việc Nhóm Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Nhóm Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Nhóm Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Nhóm Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	8 – 20 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê là từ 10 đến 16 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế định kỳ máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) *Thu nhập từ cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Ban Điều hành Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Trong kỳ, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.722.726.079	1.580.998.822
Tiền gửi ngân hàng	12.420.051.756	27.083.065.078
Các khoản tương đương tiền	38.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	52.142.777.835	28.664.063.900
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 5,5% một năm (1/1/2019: Không).

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	36.309.687.260	68.407.824.584
Các khách hàng khác	6.782.046.137	5.623.731.013
	<hr/>	<hr/>
	43.091.733.397	74.031.555.597
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
<i>Bên liên quan khác</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	36.309.687.260	68.407.824.584

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

8. Hàng tồn kho

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	828.160.551	-	5.720.000	-
Nguyên vật liệu	63.593.502.907	-	75.528.331.337	-
Công cụ và dụng cụ	60.591.474.924	-	62.425.113.930	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.914.344.580	-	26.194.622.767	-
Thành phẩm	9.873.279.549	-	15.000.190.882	-
Hàng hóa	29.167.727	-	-	-
Hàng gửi đi bán	7.539.748	-	12.268.707	-
	162.837.469.986	-	179.166.247.623	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	216.543.500.758	1.114.580.161.287	22.204.324.217	5.570.489.851	1.024.078.834	1.359.922.554.947
Tăng trong kỳ	59.870.000	1.640.964.805	-	104.899.091	-	1.805.733.896
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.190.219.416	22.559.908.667	-	-	-	23.750.128.083
Giảm khác	-	(620.858.600)	-	-	-	(620.858.600)
Số dư cuối kỳ	217.793.590.174	1.138.160.176.159	22.204.324.217	5.675.388.942	1.024.078.834	1.384.857.558.326
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	93.435.257.175	808.079.013.639	10.928.043.843	3.847.300.445	769.310.967	917.058.926.069
Khấu hao trong kỳ	5.987.456.192	39.119.846.962	943.859.036	222.178.110	17.414.946	46.290.755.246
Giảm khác	-	(522.478.600)	-	-	-	(522.478.600)
Số dư cuối kỳ	99.422.713.367	846.676.382.001	11.871.902.879	4.069.478.555	786.725.913	962.827.202.715
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	123.108.243.583	306.501.147.648	11.276.280.374	1.723.189.406	254.767.867	442.863.628.878
Số dư cuối kỳ	118.370.876.807	291.483.794.158	10.332.421.338	1.605.910.387	237.352.921	422.030.355.611

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản cố nguyên giá 483.988 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 201.340 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 25.945 triệu VND (1/1/2019: 27.476 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 19(b)).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	500.000.000	677.656.962	229.000.000	1.406.656.962
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	677.656.962	179.882.234	857.539.196
Khấu hao trong kỳ	-	-	12.400.002	12.400.002
Số dư cuối kỳ	-	677.656.962	192.282.236	869.939.198
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	500.000.000	-	49.117.766	549.117.766
Số dư cuối kỳ	500.000.000	-	36.717.764	536.717.764

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 678 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 678 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Bất động sản đầu tư

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	5.677.127.858	5.234.797.122
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.407.661.000	2.407.661.000
	<hr/>	<hr/>
	8.084.788.858	7.642.458.122
	<hr/>	<hr/>

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	6.771.346.071
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	616.831.000
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	7.388.177.071
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.536.548.949
Khấu hao trong kỳ	174.500.264
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.711.049.213
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	5.234.797.122
Số dư cuối kỳ	5.677.127.858
	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	2.407.661.000

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.137.472.391	334.268.210
Tăng trong kỳ	42.878.021.452	20.554.210.143
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(23.750.128.083)	(18.446.498.820)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(616.831.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(24.065.000)	(52.743.141)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(113.073.594)	(942.072.678)
Xóa sổ	-	(110.321.736)
Số dư cuối kỳ	21.511.396.166	1.336.841.978

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Kho thành phẩm	10.870.363.636	310.000.000
Hệ thống thu hồi và làm giàu CO2	8.362.500.000	67.500.000
Các công trình khác	2.278.532.530	2.759.972.391
Số dư cuối kỳ	21.511.396.166	3.137.472.391

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2019 và 1/1/2019		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết			
Đầu tư vào công ty liên kết:					
• Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên	1.963.579	20%	19.406.520.000	-	(*)

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê cơ sở hạ tầng VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	28.758.417.399	14.025.321.454	9.531.191.781	6.191.835.411	58.506.766.045
Tăng trong kỳ	5.872.021.874	6.094.083.833	-	2.237.235.263	14.203.340.970
Phân bổ trong kỳ	(7.967.052.072)	(5.987.769.357)	(250.437.517)	(2.290.600.534)	(16.495.859.480)
Thanh lý	(389.952.864)	-	-	-	(389.952.864)
Xóa sổ	(2.195.036)	(89.863.233)	-	-	(92.058.269)
Số dư cuối kỳ	26.271.239.301	14.041.772.697	9.280.754.264	6.138.470.140	55.732.236.402

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	15.691.341.416	13.012.071.973
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghiệp Delta	1.182.736.500	5.826.305.375
Các nhà cung cấp khác	18.838.708.131	16.460.245.697
	35.712.786.047	35.298.623.045

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	15.691.341.416	13.012.071.973
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	242.286.354

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	17.026.818.339	140.412.100.197	(139.754.553.297)	17.684.365.239
Thuế tiêu thụ đặc biệt	124.981.367.750	611.313.440.330	(623.998.490.198)	112.296.317.882
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.855.239.801	26.352.204.546	(17.064.530.028)	16.142.914.319
Thuế thu nhập cá nhân	1.651.839.606	4.234.554.808	(4.480.026.740)	1.406.367.674
Tiền thuê đất, thuế đất	373.282.315	1.996.790.625	(2.165.305.065)	204.767.875
Các loại thuế khác	-	359.400.187	(317.441.982)	41.958.205
	150.888.547.811	784.668.490.693	(787.780.347.310)	147.776.691.194

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ vỏ chai cho nhà phân phối	2.063.160.353	3.989.420.901
Chi phí bốc xếp	1.805.883.685	395.944.509
Chi phí sử dụng vỏ chai	1.794.870.000	-
Chi phí lãi vay	798.787.148	924.365.632
Chi phí khác	5.003.754.985	1.411.879.125
	<hr/>	<hr/>
	11.466.456.171	6.710.810.167
	<hr/>	<hr/>

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Cổ tức phải trả	8.269.310.521	32.496.983.997
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.183.558.400	2.705.592.600
Tài sản thừa chờ xử lý	1.349.834.206	514
Kinh phí công đoàn	873.253.916	753.376.308
Phải trả ngắn hạn khác	4.095.422.899	3.928.563.607
	<hr/>	<hr/>
	16.771.379.942	39.884.517.026
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2019 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	59.430.000.000	403.950.000.000	(423.480.000.000)	39.900.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	24.613.875.252	12.306.937.626	(12.306.937.626)	24.613.875.252
	84.043.875.252	416.256.937.626	(435.786.937.626)	64.513.875.252

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam				
– Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	5,9%	20.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên (ii)	VND	0,5%	18.400.000.000	18.400.000.000
Nhân viên của Nhóm Công ty (ii)	VND	7,0%	1.500.000.000	3.880.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam				
– Chi nhánh Quy Nhơn	VND	5,9%	-	7.150.000.000
			39.900.000.000	59.430.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) – Chi nhánh Đắk Lắk (“Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk”) có hạn mức tín dụng là 80.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Vietcombank tại ngày giải ngân. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để tài trợ vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (ii) Khoản vay từ Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên, công ty liên kết, và từ nhân viên của Nhóm Công ty không có đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	8,6%	2020	17.625.000.000	23.500.000.000
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (ii)	VND	8,6%	2020	19.291.244.085	25.723.181.711
				36.916.244.085	49.223.181.711
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(24.613.875.252)	(24.613.875.252)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				12.302.368.833	24.609.306.459

- (i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 26.625 triệu VND và được sử dụng để tài trợ vốn lưu động của Nhóm Công ty.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 26.000 triệu VND và được sử dụng để tài trợ vốn lưu động của Nhóm Công ty.

Khoản vay dài hạn từ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 25.945 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 27.476 triệu VND) theo hợp đồng thế chấp số 261017/MQK/HDTB và 261017/MQK/HDTS ngày 26 tháng 10 năm 2017 (Thuyết minh 9).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.652.858.611	68.872.105
Trích lập trong kỳ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 (Thuyết minh 22)	14.195.077.642	24.680.998.430
Tăng khác	682.855.000	118.920.000
Sử dụng trong kỳ	(13.319.532.189)	(14.464.800.853)
Số dư cuối kỳ	4.211.259.064	10.403.989.682

21. Dự phòng phải trả dài hạn

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Dự phòng khác (*) VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	9.100.262.250	8.415.301.101	17.515.563.351
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(53.798.250)	-	(53.798.250)
Số dư cuối kỳ	9.046.464.000	8.415.301.101	17.461.765.101

(*) Dự phòng khác phản ánh dự phòng cho phạt chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt từ năm 2011 đến 2012 theo Công văn số 3973/VPCP-KTTH ngày 2 tháng 6 năm 2014.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	298.466.480.000	12.234.693	51.094.708.896	127.654.169.654	477.227.593.243
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	74.993.831.420	74.993.831.420
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.362.948.517	(6.362.948.517)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(24.680.998.430)	(24.680.998.430)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(89.539.944.000)	(89.539.944.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2018	298.466.480.000	12.234.693	57.457.657.413	82.064.110.127	438.000.482.233
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	65.011.711.035	65.011.711.035
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(59.693.296.000)	(59.693.296.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	298.466.480.000	12.234.693	57.457.657.413	87.382.525.162	443.318.897.268
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	105.407.913.086	105.407.913.086
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.000.277.123	(7.000.277.123)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(14.195.077.642)	(14.195.077.642)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(59.693.296.000)	(59.693.296.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	298.466.480.000	12.234.693	64.457.934.536	111.901.787.483	474.838.436.712

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 3 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 119.387 triệu VND (tương đương 4,000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018, trong đó 59.693 triệu VND đã được ứng trước cho các cổ đông năm 2018 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 89.540 triệu VND, tương đương 3.000 VND/cổ phiếu).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-DHCD ngày 28 tháng 3 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định trích quỹ đầu tư phát triển của Công ty là 7.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 6.363 triệu VND).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	105	2.442.815	336	6.447.259
EUR	604	16.000.366	618	15.644.567
		18.443.181		22.091.826
		18.443.181		22.091.826

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	30/6/2019	1/1/2019
Bia Lowen 330	Két	10.145	3.745
Bia Quy Nhơn 330	Két	8.400	-
Bia Sài Gòn 355	Két	290	-
		18.835	3.745
		18.835	3.745

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	763.446.115.323	696.543.558.710
▪ Cung cấp dịch vụ	6.147.410.955	5.240.793.152
	<hr/>	<hr/>
	769.593.526.278	701.784.351.862
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	1.063.956.058	950.517.374
	<hr/>	<hr/>
	768.529.570.220	700.833.834.488

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Tổng giá vốn		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	595.388.329.090	561.934.099.345
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.152.764.988	1.893.349.416
	<hr/>	<hr/>
	597.541.094.078	563.827.448.761

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.558.840.345	3.493.855.307
Chi phí vật liệu và công cụ dụng cụ	3.799.948.957	5.549.631.829
Chi phí khấu hao và phân bổ	257.466.930	344.400.264
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	550.629.128	784.044.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.289.073.311	4.366.293.607
Chi phí bán hàng khác	3.644.115.740	5.862.364.399
	18.100.074.411	20.400.590.286

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	15.159.705.252	12.841.175.680
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.141.073.456	2.111.154.474
Chi phí thuê	2.090.262.680	3.367.515.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.571.192.720	2.222.030.102
Chi phí quản lý khác	12.678.232.516	12.268.376.743
	34.640.466.624	32.791.990.435

31. Thu nhập khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Thu nhập bán phế liệu	7.001.111.110	6.748.601.540
Cung cấp dịch vụ bảo hành và sửa chữa	5.380.737.277	3.879.076.361
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	4.097.700.908	2.874.984.547
Bán hơi bão hòa	2.509.200.000	2.160.209.088
Thu nhập khác	2.585.586.760	2.428.730.785
	21.574.336.055	18.091.602.321

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	453.304.521.095	424.959.311.432
Chi phí nhân công và nhân viên	49.305.246.011	42.149.745.528
Chi phí khấu hao và phân bổ	46.477.655.512	48.879.877.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.665.243.954	38.638.649.307
Chi phí khác	59.528.968.541	62.392.445.291

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	26.352.204.546	18.774.157.854
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	529.200	-
	26.352.733.746	18.774.157.854

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	131.760.646.832	93.767.989.274
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	26.352.129.367	18.753.597.854
Chi phí không được khấu trừ thuế	604.379	49.484.320
Thu nhập không bị tính thuế	-	(28.924.320)
	26.352.733.746	18.774.157.854

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	105.407.913.086	74.993.831.420
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	105.407.913.086	74.993.831.420

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 29.846.648 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên		
Cổ tức được chia	-	144.621.600
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán hàng (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	590.173.642.793	491.716.155.150
Mua nguyên vật liệu	330.737.295.619	224.312.605.309
Cổ tức	38.469.452.000	14.426.044.500
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	-	320.211.200
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Bán hàng hóa (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	105.000.000	105.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	4.223.663.872	3.012.637.393

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
Kế toán Trưởng

Người duyệt:




Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA
SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**
Số 237/CV-CT

V/v CBTT & Giải trình BCTC
Hợp nhất bán niên soát xét
năm 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG
2. Mã chứng khoán: SMB
3. Địa chỉ trụ sở chính: 01 Nguyễn Văn Linh, P. Tân An, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
4. Điện thoại: 02623.877519 Fax: 02623.877455
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Tuấn Anh
6. Nội dung thông tin công bố và giải trình:
 - 6.1 Công bố thông tin Báo cáo tài chính Hợp nhất bán niên soát xét năm 2019 bao gồm: Báo cáo của Ban điều hành, Báo cáo Kiểm toán độc lập, Bảng CĐKT hợp nhất tại ngày 30/06/2019, Báo cáo KQKD hợp nhất Bán niên năm 2019, Báo cáo LCTT Hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-30/06/2019, TMBCTC hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01-30/06/2019.
 - 6.2 Các nội dung giải trình:
 - 6.2.1 **Giải trình Lợi nhuận sau thuế TNDN trên BCKQKD của BCTC Hợp nhất bán niên soát xét năm 2019 tăng 41% so với cùng kỳ 2018 tương ứng là 30,41 tỷ đồng, cụ thể như sau:**
 - a. Sản lượng tiêu thụ Bia 06 tháng năm 2019 tăng **8,85 triệu lít** so với cùng kỳ năm 2018 chủ yếu đến từ sản phẩm Bia lon Lager 330 ml và Bia tự doanh tăng làm cho lợi nhuận gộp tăng **33,98 tỷ đồng**.
 - b. Đối với hoạt động tài chính 06 tháng năm 2019 làm lợi nhuận tăng **1,38 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm 2018, chủ yếu chi phí tài chính giảm do nhu cầu vốn lưu động giảm.
 - c. Chi phí Quản lý và bán hàng 06 tháng năm 2019 giảm làm lợi nhuận tăng **0,45 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm 2018.

d. Các hoạt động khác 06 tháng năm 2019 làm lợi nhuận giảm **5,40 tỷ đồng** so với cùng kỳ 2018 chủ yếu do chi phí thuế TNDN tăng so với cùng kỳ

6.2.2 **Giải trình Số liệu trên KQHĐKD lũy kế từ đầu năm tại Báo cáo KQHĐKD trong BCTC Hợp nhất Quý II/2019 đã công bố có chênh lệch 5% so với Báo cáo tài chính bán niên được soát xét năm 2019, cụ thể:**

- a. Chỉ tiêu Doanh thu thuần (Số 10) và chỉ tiêu Giá vốn hàng bán (Số 11) trên Báo cáo KQHĐKD trong BCTC Quý II/2019 được điều chỉnh giảm 78,79 tỷđ. Do Công ty điều chỉnh loại trừ bổ sung doanh thu và chi phí giá vốn nội bộ trong Công ty.
- b. Chỉ tiêu Thu nhập khác (số 31) và Chỉ tiêu Chi phí khác (Số 32) trên Báo cáo KQHĐKD trong BCTC Quý II/2019 được điều chỉnh giảm 2,49 tỷđ. Do Công ty điều chỉnh loại trừ bổ sung thu nhập khác và chi phí khác nội bộ trong Công ty.
- c. Điều chỉnh phân loại lại giảm Chỉ tiêu Chi phí bán hàng (Số 24) và tăng Chỉ tiêu Giá vốn hàng bán (Số 11) trên Báo cáo KQHĐKD trong BCTC Quý II/2019 số tiền 0,12 tỷđ

Việc điều chỉnh các chỉ tiêu trên không làm ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế trên KQHĐKD trong BCTC Hợp nhất Quý II/2019 mà Công ty đã công bố trước đó.

Trên đây là Báo cáo giải trình của đơn vị theo quy định của Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://biasaigonmt.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận: 

- Như trên
- Lưu VT



Vũ Tuấn Anh